TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/DS-ST

Ngày: 13 tháng 9 năm 2017

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy.**

Cỏc Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng.**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2017/QĐST - DS ngày 25 thỏng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V.**

Địa chỉ trụ sở cũ: Đường T, quận H, thành phố H.

Địa chỉ trụ sở mới: Đường L, phường H, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Phan Q - sinh năm 1995. Địa chỉ: Đường D, quận C, thành phố Đ (văn bản ủy quyền số 628/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 25.4.2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị H** - sinh năm 1965.

Địa chỉ: Đường K, Phường N, quận C, thành phố Đ (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25.4.2017, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03.01.2013 Ngân hàng TMCP V và bà Trần Thị H có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20130103-142002-0001. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng cho bà H vay số tiền 25.200.000 đồng (trong đó có 1.200.000 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 5.14%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 44.451.000 đồng, trả vào ngày 03 hàng tháng, trong đó 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.854.000 đồng, bắt đầu từ ngày 03.02.2013, tháng cuối cùng trả 1.809.000 đồng. Bà H đã nhận đủ số tiền trên.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng 03 kỳ với tổng số tiền 6.562.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.756.007 đồng và tiền lãi là 4.805.993 đồng). Kể từ ngày 03.10.2014 bà H không thanh toán nữa dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến nay, bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 37.889.000 đồng (trong đó nợ gốc là 22.443.993 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31.01.2015 là 14.445.007 đồng). Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị H phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bà Trần Thị H để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V buộc bà Trần Thị H phải trả cho nguyên đơn 37.889.000 đồng. (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn là bà Trần Thị H đều vắng mặt và không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

[2.1] Ngày 03.01.2013, bà Trần Thị H đã ký vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã cho bà H vay số tiền 25.200.000 đồng (trong đó có 1.200.000 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 5.14%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 44.451.000 đồng, trả vào ngày 03 hàng tháng, trong đó 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.854.000 đồng, bắt đầu từ ngày 03.02.2013, tháng cuối cùng trả 1.809.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã không trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả tổng số tiền: 37.889.000 đồng. (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng).

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 03.10.2014 bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 03 kỳ với tổng số tiền 6.562.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.756.007 đồng và tiền lãi là 4.805.993 đồng). Kể từ ngày 03.10.2014 cho đến nay bà H không thanh toán cho Ngân hàng nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà H đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 7 trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà bà đã ký với Ngân hàng ngày 03.01.2013. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 37.889.000 đồng. (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) (trong đó nợ gốc là 22.443.993 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31.01.2015 là 14.445.007 đồng) là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị H phải chịu theo qui định của pháp luật là : 37.889.000 đồng x 5% = 1.894.450 đồng.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP V đã nộp là: 947.300 đồng theo biên lai thu số 009344 ngày 10.5.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bà Trần Thị H .

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền: 37.889.000 đồng. (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) (trong đó nợ gốc là 22.443.993 đồng và nợ lãi là 14.445.007 đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị H phải chịu: 1.894.450 đồng.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP V đã nộp là: 947.300 đồng theo biên lai thu số 009344 ngày 10.5.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Thùy